

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/DS-ST
Ngày 16 tháng 01 năm 2026
“V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-HUNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn-Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh và ông Bùi Đăng Ban.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng là Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân khu vực 1-Hung Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Hung Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Yến-Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Hung Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2025/TLST-DS ngày 17/7/2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐXX-ST ngày 15 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2025/QĐST-DS ngày 31/12/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V.

Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V-Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N-Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V-Chi nhánh T, tỉnh H.

Người được ủy quyền lại: Ông Phạm Hồng T-Phó giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V-Chi nhánh T, tỉnh H.

(Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 220/QĐ/NHNoTL ngày 04/7/2025).

Địa chỉ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V-Chi nhánh T, tỉnh H: khu T, xã H, tỉnh H.

Có mặt.

Bị đơn:

Bà Lê Thị Thúy H, sinh năm 1986-Vắng mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn A, xã T, tỉnh H.

Địa chỉ hiện nay: thôn H, xã TL, tỉnh H.

Ông Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1974-Có mặt.

Địa chỉ: thôn A, xã T, tỉnh H.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Ông Lê Minh Y, sinh năm 1961-Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn H, xã TL, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ các chứng cứ đã thu thập, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, nội dung vụ án như sau:

Theo hợp đồng tín dụng số 2410-LAV-202000342 ngày 20/02/2020, Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 24/02/2022, Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 24/02/2022, thì bà H, ông Tr vay của ngân hàng số tiền là 200.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán chi phí sản xuất kinh doanh, đời sống gia đình. Lãi suất cho vay là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn cho vay là 36 tháng. Thời hạn trả nợ gốc và lãi chia làm 03 kỳ: Ngày 24/02/2023, trả 65.000.000 đồng, ngày 24/02/2024, trả 65.000.000 đồng, ngày 24/02/2024 trả 70.000.000 đồng. Tiền lãi trả cùng kỳ trả nợ gốc. Ngân hàng đã giải ngân cho bên vay toàn bộ số tiền vay 200.000.000 đồng vào ngày 24/02/2022. Tính đến ngày 04/7/2025, bên vay đã trả được ngân hàng số nợ gốc là 130.000.000 đồng và một số tiền lãi. Do bên vay đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, vì vậy ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Tr, bà H phải trả cho ngân hàng số nợ gốc bên vay còn nợ là 70.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 04/7/2025 là 7.214.795 đồng. Tổng cộng là 77.214.795 đồng.

Nếu bà H, ông Tr không trả được nợ thì ngân hàng đề nghị Tòa án đồng ý cho ngân hàng có quyền gửi đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý toàn bộ tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 91, tờ bản đồ số 18, diện tích 318,2 m² địa chỉ tại thôn An Tào, xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên cũ, nay là thôn A, xã T, tỉnh H, loại đất nuôi trồng thủy sản, đã được Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lê Thị Thúy H mà bà H, ông Tr đã giao cho ngân hàng để thu hồi nợ.

Trường hợp không xử lý được tài sản trên hoặc xử lý không đủ để thu hồi nợ thì đề nghị Tòa án đồng ý cho ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Tr, bà H để ngân hàng thu hồi nợ.

Yêu cầu bên vay phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 05/7/2025 như hai bên đã thỏa thuận cho đến khi trả hết nợ.

Ngoài ra ngân hàng không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Ông Nguyễn Hữu Tr trình bày:

Ông và bà Lê Thị Thúy H trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Bản án số 14/2022/HNGĐ-ST ngày 07/6/2022 do Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên cũ nay là Tòa án nhân dân khu vực 1-Hung Yên giải quyết. Trong thời

gian ông và bà H còn quan hệ vợ chồng, ông bà đã vay của Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh Tiên Lữ số tiền là 200.000.000 đồng vào ngày 24/02/2022, để vợ chồng cùng làm ăn. Khi giải quyết ly hôn, do ngân hàng chưa yêu cầu trả nợ nên Tòa án chưa giải quyết số nợ này. Sau khi ly hôn, ông Tr đã trả cho ngân hàng được 130.000.000 đồng nợ gốc và một số lãi nhưng ông Tr không nhớ ông Tr đã trả lãi được bao nhiêu. Bà H không trả được số tiền nào trong số nợ này. Về yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, ông Tr có quan điểm:

Số nợ gốc còn lại là 70.000.000 đồng mà ngân hàng đang yêu cầu trả nợ, ông Tr xác định đây là khoản nợ chung của ông Tr và bà H còn lại, lẽ ra bà H phải trả 1/2 số nợ gốc là 100.000.000 đồng và 1/2 số lãi phải trả cho ngân hàng nhưng ông Tr đã trả ngân hàng số nợ gốc là 130.000.000 đồng và lãi rồi cho nên bà H phải trả số nợ gốc còn lại 70.000.000 đồng này và lãi của số tiền này như ngân hàng yêu cầu. Số nợ ông Tr đã trả quá cho ngân hàng là 30.000.000 đồng nợ gốc và số tiền lãi, ông Tr tự nguyện không yêu cầu bà H phải hoàn trả ông Tr số tiền này.

Ông Tr không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản là đất tại thửa số 91, tờ bản đồ số 18, diện tích 318,2 m² đất nuôi trồng thủy sản tại thôn An Tào, xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, nay là thôn An Tào, xã Tiên Hoa, tỉnh Hưng Yên vì đây không phải là tài sản thế chấp và hai bên cũng không lập hợp đồng thế chấp diện tích đất này.

Ông Tr đã được Tòa án cho xem Giấy ủy quyền đề ngày 20/02/2020, ông Tr khẳng định chữ ký, chữ viết ở phần bên cho vay đúng là chữ ký, chữ viết của ông Tr, Nguyễn Hữu Trung. Ông Tr đã được xem hợp đồng tín dụng số 2410/LAV 202000342 ngày 20/02/2020 và các văn bản bổ sung hợp đồng, ông Tr nhất trí không có ý kiến gì.

Ngoài ra ông Tr không còn trình bày gì khác.

Tại phần Quyết định của Bản án số 14/2022/HNGĐ-ST ngày 07/6/2022 (bản án có hiệu lực pháp luật) của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên cũ nay là Tòa án nhân dân khu vực 1-Hưng Yên xét xử đã quyết định, trích: Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thúy H được ly hôn anh Nguyễn Hữu Tr.

Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Chi nhánh huyện Tiên Lữ yêu cầu chị H, anh Tr phải trả nợ số tiền 200.000.000 đồng đã vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Sau này, nếu các bên tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng vụ việc dân sự khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bà H thông qua người thân trong gia đình, chính quyền địa phương nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Ông Lê Minh Y là bố đẻ bà H trình bày: Từ khi ly hôn, bà H cho con về ở với ông tại thôn H, xã TL, tỉnh H. Bà H nói với ông là phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ cho ngân hàng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bên vay phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc là nợ số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và toàn bộ số tiền lãi gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến xét xử sơ thẩm (ngày 16/01/2026) là 83.416.986 đồng. Kể từ ngày xét xử sơ thẩm nếu ông Tr, bà H không trả được số tiền nợ gốc thì ông Tr, bà H còn phải chịu lãi suất quá hạn theo mức lãi suất như hợp đồng đối với số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả xong.

Nếu bà H, ông Tr không trả được nợ thì ngân hàng đề nghị Tòa án đồng ý cho ngân hàng có quyền gửi đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý toàn bộ tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 91, tờ bản đồ số 18, diện tích 318,2 m² địa chỉ tại thôn An Tào, xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên cũ, nay là thôn A, xã T, tỉnh H, loại đất nuôi trồng thủy sản, đã được Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lê Thị Thúy H mà bà H, ông Tr đã giao cho ngân hàng để thu hồi nợ. Trường hợp không xử lý được tài sản trên hoặc xử lý không đủ để thu hồi nợ thì đề nghị Tòa án đồng ý cho ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Tr, bà H để ngân hàng thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Hưng Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn là ông Tr đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn là bà H đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

Áp dụng Điều 280, 463, 466, 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, 6, khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ngân hàng.

Xác định số nợ ngân hàng yêu cầu bị đơn trả nợ nghĩa vụ chung của ông Tr, bà H vay trong thời kỳ hôn nhân. Sau khi ly hôn, ông Tr đã trả được 130.000.000 đồng nên số nợ còn lại bà H phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Vì vậy, buộc bà H phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi gồm: tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn như ngân hàng yêu cầu tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 13.416.986 đồng, tổng số là 83.416.986 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự.
Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định của pháp luật.
Các vấn đề khác không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Khi ông Tr, bà H ly hôn, nguyên đơn đã yêu cầu ông Tr, bà H trả nợ nhưng sau đó rút yêu cầu, tại phần Quyết định của Bản án số 14/2022/HNGĐ-ST ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên cũ nay là Tòa án nhân dân khu vực 1-Hưng Yên xét xử đã quyết định: “Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Chi nhánh huyện Tiên Lữ yêu cầu chị H, anh Tr phải trả nợ số tiền 200.000.000 đồng đã vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Sau này, nếu các bên tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng vụ việc dân sự khác”. Do vậy theo quy định tại điểm g khoản 1, khoản 2 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ngân hàng có quyền khởi kiện lại là đúng pháp luật. Ông Tr, bà H đều thừa nhận có vay, có nợ nhưng do vợ chồng đã ly hôn nên ông Tr cho rằng bà H phải có trách nhiệm trả nốt số nợ còn lại, bà H cho rằng ông Tr phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng. Do vậy, căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm của bị đơn và các chứng cứ khác đã thu thập, căn cứ các quy định tại các Điều 26, 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27, 37 và 60 của Luật hôn nhân và gia đình thì xác định đây là quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp thực hiện nghĩa vụ về tài sản sau ly hôn”, người khởi kiện là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V, người bị kiện là bà H, ông Tr.

[2]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn nhiều lần để lấy lời khai, cung cấp chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà H vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đến phiên tòa cho bà H nhưng bà H vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với bên vay, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo hợp đồng tín dụng số 2410-LAV-202000342 ngày 20/02/2020, Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 24/02/2022, Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 24/02/2022, thì bà H, ông Tr vay của ngân hàng số tiền là 200.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán chi phí sản xuất kinh doanh, đời sống gia đình. Lãi suất cho vay là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn cho vay là 36 tháng. Thời hạn trả nợ gốc và lãi chia làm 03 kỳ:

Ngày 24/02/2023, trả 65.000.000 đồng, ngày 24/02/2024, trả 65.000.000 đồng, ngày 24/02/2024 trả 70.000.000 đồng. Tiền lãi trả cùng kỳ trả nợ gốc. Bên vay đã nhận toàn bộ số tiền vay 200.000.000 đồng vào ngày 24/02/2022. Sau khi vay, bên vay đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như hai bên đã thỏa thuận, đến ngày 04/7/2025, bên vay mới trả được ngân hàng số nợ gốc là 130.000.000 đồng và một số tiền lãi. Do bên vay đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Tr, bà H phải trả cho ngân hàng số nợ gốc bên vay còn nợ là 70.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 16/01/2026 là 13.416.986 đồng, tổng cộng là 83.416.986 đồng.

Hợp đồng tín dụng đã được hai bên ký, thực hiện và không có tranh chấp gì nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, bên vay sử dụng vào mục đích phục vụ đời sống gia đình. Do vậy quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn, bị đơn là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Hợp đồng các bên đã ký là phù hợp các quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo hợp đồng tín dụng, khi ông Tr, bà H còn đang trong thời kỳ hôn nhân, ngân hàng đã cho ông Tr, bà H vay số tiền 200.000.000 đồng, mục đích thanh toán chi phí sản xuất kinh doanh, đời sống gia đình. Sau khi vay, vợ chồng mới ly hôn. Do vậy xác định đây là nợ chung của ông Tr, bà H trong thời kỳ hôn nhân, ông Tr, bà H phải có nghĩa vụ, trách nhiệm trả nợ ngang nhau. Sau khi ly hôn, ông Tr đã trả cho ngân hàng được 130.000.000 đồng nợ gốc và một số lãi, số tiền nợ ông Tr đã trả quá cho ngân hàng là 30.000.000 đồng nợ gốc và số tiền lãi ông Tr tự nguyện không yêu cầu bà H phải hoàn trả ông Tr nên không buộc bà H phải hoàn trả ông Tr số tiền này. Bà H phải trả ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại là 70.000.000 đồng và tiền lãi như ngân hàng yêu cầu.

Vì vậy căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 275, các điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 27, 37 và 60 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà H phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 13.416.986 đồng. Tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm bà H phải trả cho nguyên đơn là 83.416.986 đồng.

[5]. Về các yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn như:

Nếu bà H, ông Tr không trả được nợ thì ngân hàng đề nghị Tòa án đồng ý cho ngân hàng có quyền gửi đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý toàn bộ tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 91, tờ bản đồ số 18, diện tích 318,2 m² địa chỉ tại thôn An Tào, xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên cũ, nay là thôn A, xã T, tỉnh H, loại đất nuôi trồng thủy sản, đã được Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lê Thị Thúy H mà bà H, ông Tr đã giao cho ngân hàng để thu hồi nợ. Trường hợp không xử lý được tài sản trên hoặc xử lý không đủ để thu hồi nợ thì đề nghị Tòa án đồng ý cho ngân hàng có quyền

yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Tr, bà H để ngân hàng thu hồi nợ.

Do Ngân hàng và bên vay không có hợp đồng về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cụ thể, mặt khác đây là những biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự và được thực hiện trong giai đoạn thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết những yêu cầu này của Ngân hàng.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự.

Bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 275, các điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 27, 37 và 60 của Luật hôn nhân và gia đình ; Điều 3, 6, khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V.

Buộc bà Lê Thị Thúy H phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V toàn bộ số tiền gồm:

Toàn bộ số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng .

Tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/01/2026) là 13.416.986 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm bà H phải trả cho nguyên đơn là: 83.416.986 đồng (tám mươi ba triệu bốn trăm mười sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Lê Thị Thúy H phải chịu 4.170.849 đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Hoàn trả lại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V số tiền 1.930.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004146 ngày 16/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn ông Nguyễn Hữu Tr có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn bà Lê Thị Thúy H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-
Hưng Yên;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-
Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Tuấn